

LD VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN DBTT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 25/10/2024

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		CLO+RP2	7:25	3+19	0+0		2+20	0+0	
2		TD3+BK6+TD2	7:25	4+4+13	0+0+0		0+5+17	0+0+0	
3		RC10+BK8+P9	7:25	11+11+0	0+0+0		3+8+9	0+0+0	
4		P2+BK5	9:25	18+4	0+0		16+6	0+0	CHUYEN 1 P2-BK5
5		RP2+BK9	9:25	22+0	0+0		19+2	0+0	
6		PPD+TD5+RC3	9:25	7+5+10	0+0+0		6+3+13	0+0+0	CHUYEN 1 PPD-TD5
7		P4+P3+P2	11:25	1+1+19	0+0+0		0+2+20	0+0+0	CHUYEN 1 P4-P3
8		CTC1+RC10+CLO	11:25	20+1+0	0+0+0		10+4+5	0+0+0	
9		BK20+CTK3+P10	13:25	0+15+0	0+0+0		0+2+20	0+0+0	CHUYEN 4 BK20-CTK3
10		P11+TD2+BK16	13:25	9+7+3	0+0+0		5+7+9	0+0+0	

TTBDSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
1/ đi VỀ TRONG NGÀY RC10-3NG, CLO-3NG



FLIGHT MANIFEST



DATE: 25/10/2024	TO: CLO - RP2	AIRCRAFT: 428	ETD: 07:32
FLIGHT: 01	FROM: VT	CREW: KHOAN - ĐNAM - HIẾU	ETA: 09:20
XANH-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	PHẠM VĂN HIẾU	CLO						69	KHOAN	Vietnamese
2	ĐÔNG XUÂN VƯƠNG	CLO	97	1	4			70	KHOAN	Vietnamese
3	VŨ TIẾN NGỌC	CLO	98	1	6			78	KHOAN	Vietnamese
4	KHALIMOV A	RP2	42	1	9			90	KH-THAC	Russian
5	PHAN TÂN TÀI	RP2	05	1	6			73	KH-THAC	Vietnamese
6	TRẦN NGỌC CHÍNH	RP2						70	KH-THAC	Vietnamese
7	PHAN CÔNG HOÀNG	RP2	97	1	8			66	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN HUNG CUÔNG	RP2	99,800	2	8			86	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN VĂN LIÊM	RP2	98	1	6			66	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN HỒNG QUANG	RP2	01	1	5			67	KH-THAC	Vietnamese
11	TRẦN THE NGUYỄN	RP2	02	1	9	1	37	71	XAYLAP	Vietnamese
12	ĐỖ ĐÌNH A	RP2	03-04	2	10			70	XAYLAP	Vietnamese
13	NGUYỄN DUY HÙNG	RP2	94	1	5			70	KH-THAC	Vietnamese
14	LƯU VĂN ĐIỀN	RP2	69	1	7			76	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN BÀ DUY	RP2	67	1	3			61	KH-THAC	Vietnamese
16	TRẦN THIÊN PHƯỚC	RP2	93	1	7			72	KH-THAC	Vietnamese
17	ĐỖ ĐỨC CUÔNG	RP2						80	KH-THAC	Vietnamese
18	PHẠM XUÂN KHOA	RP2	96	1	12			65	KH-THAC	Vietnamese
19	ĐÀU HUY HOÀNG	RP2	92	1	9			68	KH-THAC	Vietnamese
20	HỒ ĐỨC LONG	RP2	68	1	5			56	KH-THAC	Vietnamese
21	LÊ TRƯỜNG CHÍNH	RP2	95	1	6			65	KH-THAC	Vietnamese
22	VŨ HỮU QUAN	RP2	41	1	6			61	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	CLO	3	217	2	10	0	0	2		
2	RP2	19	1.333	19	121	1	37	20		
TOTAL		22	1.550	21	131	1	37	22		
WEIGHT KG			1.550		131		37			

GRAND TOAL: 1.718 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 25/10/2024	TO: TD3 - BK6 - TD2	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:35
FLIGHT: 02	FROM: VT	CREW: CHIẾN - HTRUNG - NNAM	ETA: 09:25
CAM-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	FOK S.I.	TD3	93	1	8			124	KHOAN	Russian
2	SICHINAVA GIORGI	TD3	25	1	7			76	KHOAN	Russian
3	TRINH HOANG KHANH	TD3	23	1	3	3	51	85	KHOAN	Vietnamese
4	TÀ HOAI TRANG	TD3	24	1	11			76	ANTOAN	Vietnamese
5	LÊ NGỌC AN	BK6	12-13	2	8	1	20	76	KH-THAC	Vietnamese
6	VŨ VĂN THỌ	BK6	07	1	5			71	KH-THAC	Vietnamese
7	PHAN CÔNG THÀNH	BK6	06	1	5	3	25	72	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN VĂN PHÊ	BK6	08	1	4			66	PSV	Vietnamese
9	PHẠM VĂN HÙNG	TD2	62	1	4			80	KHOAN	Vietnamese
10	DOROSHENKO MAXIM	TD2	63	1	9			98	KHOAN	Russian
11	TRẦN VĂN HÙNG	TD2	61	1	5			78	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYỄN DUY KIẾN	TD2	57	1	3			77	KHOAN	Vietnamese
13	PHẠM THẺ CHUYỀN	TD2	59	1	6			67	KHOAN	Vietnamese
14	LÊ HAI SƠN	TD2	56	1	3			85	KHOAN	Vietnamese
15	HỒ CHI CÔNG	TD2	54	1	6			80	KHOAN	Vietnamese
16	MAI ĐỨC THÂN	TD2	55	1	3			70	KHOAN	Vietnamese
17	ĐỖ TRỌNG HẢI	TD2	67	1	9			80	YTE	Vietnamese
18	PHẠM LÊ NAM	TD2	65-66	2	13			65	KHOAN	Vietnamese
19	BUI SY TRƯƠNG	TD2	60	1	7			61	KHOAN	Vietnamese
20	HỒ THANH QUANG	TD2	64	1	8			80	KHOAN	Vietnamese
21	PHẠM SY NGỌC MINH	TD2	58	1	5	2	31	70	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	TD3	4	361	4	29	3	51	0		1 NB: PHAN DINH PHUONG
2	BK6	4	285	5	22	4	45	5		
3	TD2	13	991	14	81	2	31	17		
TOTAL		21	1.637	23	132	9	127	22		
WEIGHT KG			1.637		132		127			

GRAND TOAL: 1.896 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 25/10/2024	TO: RC10 - BK8 - P9	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:40
FLIGHT: 03	FROM: VT	CREW: DUONG - NPHÚ - QTRƯỜNG	ETA: 09:30
VANG - 1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	TRAN VAN CAN	RC10				2	35	61	KH-THAC	Vietnamese
2	LE TUAN ANH	RC10						72	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYEN TRONG HIEN	RC10	47	1	2			52	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN BINH LONG	RC10	48	1	8			84	KH-THAC	Vietnamese
5	BUI ANH SON	RC10	46	1	2	1	16	70	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN TRONG TAN	RC10	51-52	2	13			67	KH-THAC	Vietnamese
7	PHAM TRUNG KIEN	RC10	49	1	3			66	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYEN QUOC QUAN	RC10	50	1	11	2	30	78	CODIEN	Vietnamese
9	NGUYEN TAT HOA	BK8	73	1	4			82	KH-THAC	Vietnamese
10	LE HUY TIEN HAI	BK8	86-88	3	8			68	KH-THAC	Vietnamese
11	HOANG SY NGOC	BK8	84-85	2	11			66	KH-THAC	Vietnamese
12	TRAN THANH SON	BK8	90	1	17			61	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYEN MANH HUNG	BK8	77-78	2	15			82	LAM HONG	Vietnamese
14	NGUYEN NGOC DUNG	BK8	79-80	2	14			55	LAM HONG	Vietnamese
15	NGUYEN VAN CHINH	BK8	83	1	3			59	LAM HONG	Vietnamese
16	NGUYEN QUANG THUAN	BK8	82	1	5			82	LAM HONG	Vietnamese
17	NGUYEN VAN LANH	BK8	76	1	6			71	LAM HONG	Vietnamese
18	NGUYEN DUC ANH	BK8	72	1	16			77	XAYLAP	Vietnamese
19	BUI DAC CANH	BK8	74	1	6			68	PSV	Vietnamese
20	TA HONG GIANG	BK8	89	1	4	2	35	64	PSV	Vietnamese
21	LE HONG GIANG	BK8	81	1	7			84	LAMHONG	Vietnamese
22	PHAM HOANG VIET	BK8	75	1	10			92	LAMHONG	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	RC10	8	550	7	39	5	81	2		
2	BK8	14	1.011	19	126	2	35	8		
3	P9	0	0	0	0	0	0	9		
TOTAL		22	1.561	26	165	7	116	19		
WEIGHT KG			1.561		165		116			

GRAND TOAL: 1.842 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 25/10/2024	TO: P2 - BK5	AIRCRAFT: 428	ETD: 09:50
FLIGHT: 04	FROM: VT	CREW: KHOAN - ĐNAM - HIÊU	ETA: 11:40
XANH-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	TRẦN ĐOÀN HƯƠNG	P2	87	1	6			67	KH-THAC	Vietnamese
2	ĐƯƠNG ĐỨC HIÊU	P2	82	1	4			68	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN VĂN HỒNG	P2	76	1	4			62	KH-THAC	Vietnamese
4	PHẠM QUỐC HIÊN	P2						60	KH-THAC	Vietnamese
5	HOÀNG MINH ĐỨC	P2	84	1	5			65	KH-THAC	Vietnamese
6	ĐOÀN NGUYỄN BẢO CHÂU	P2	75	1	4			58	KH-THAC	Vietnamese
7	LÊ QUANG ANH HÙNG	P2	81	1	3			62	KH-THAC	Vietnamese
8	PHẠM NGUYỄN HOÀNG PHÚC	P2	74	1	3			87	KH-THAC	Vietnamese
9	TRẦN ĐỨC KHANG	P2	80	1	7			77	KH-THAC	Vietnamese
10	TRẦN TRỌNG PHONG	P2	85-86	2	10			74	YTE	Vietnamese
11	LÊ VĂN ĐÔNG	P2	94	1	2			76	KH-THAC	Vietnamese
12	LƯU VĂN TÚ	P2	77	1	3			62	KH-THAC	Vietnamese
13	VŨ VĂN HIÊU	P2	88	1	2			54	KH-THAC	Vietnamese
14	HỒ HỮU LINH	P2	83	1	3			92	KH-THAC	Vietnamese
15	TRẦN ĐỨC HUY	P2	79	1	3			71	KH-THAC	Vietnamese
16	K LING	P2	89	1	6	2	25	69	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN HỮU HẠ	P2	78	1	7			48	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN THANH TUNG	P2	95	1	3			69	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN CÔNG THÀNH	BK5	28	1	5	1	15	83	KH-THAC	Vietnamese
20	TRẦN VĂN THUẬN	BK5	35	1	6			74	KH-THAC	Vietnamese
21	LÊ ĐỨC HUY	BK5	30	1	15	1	15	65	T-TIN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	P2	18	1.221	18	75	2	25	16	9	CHUYEN 2 PAX P2-BK5
2	BK5	3	222	3	26	2	30	6		
TOTAL		21	1.443	21	101	4	55	22		
WEIGHT KG			1.443		101		55			

GRAND TOAL: 1.599 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 25/10/2024	TO: RP2 - BK9	AIRCRAFT: 410	ETD: 09:55
FLIGHT: 05	FROM: VT	CREW: CHIẾN - HTRUNG - NNAM	ETA: 11:45
CAM-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	HOANG TUAN CUONG	RP2	24	1	8	2	40	73	KH-THAC	Vietnamese
2	VO HOANG CAM	RP2	34	1	4			63	KH-THAC	Vietnamese
3	LE LAM	RP2	38	1	6			70	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN XUAN HAI	RP2	27	1	6			68	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN VIET NHUONG	RP2	32	1	4			60	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN QUANG VINH	RP2	36	1	5			69	KH-THAC	Vietnamese
7	TRAN NGON QUANG DUY	RP2	29	1	9			92	KH-THAC	Vietnamese
8	LE VIET TRUONG	RP2	33	1	4			63	KH-THAC	Vietnamese
9	PHAN DUC NGUYEN	RP2	25	1	6			62	KH-THAC	Vietnamese
10	LUONG NGOC THANH	RP2	23	1	5			100	KH-THAC	Vietnamese
11	Dinh Xuan Giang	RP2	28	1	4			74	KH-THAC	Vietnamese
12	HOANG DINH THUAN	RP2	21	1	8			66	XAYLAP	Vietnamese
13	NGUYEN KHAC HOANG	RP2	14-15	2	16	1	30	60	XAYLAP	Vietnamese
14	NGUYEN DANH CHIEN	RP2	19-20	2	15			74	XAYLAP	Vietnamese
15	FLETCHER JR JOSEPH ARTHUR	RP2	18	1	17	2	48	102	XAYLAP	American
16	BUI KHAC HOANG	RP2	22	1	5	2	14	55	YTE	Vietnamese
17	NGUYEN QUANG TAN	RP2	26	1	2			64	PSV	Vietnamese
18	LE MANH HUNG	RP2	35	1	4			75	PSV	Vietnamese
19	HOANG VIET ANH	RP2	50	1	4			65	PSV	Vietnamese
20	LUONG MANH HUONG	RP2	37	1	3			61	PSV	Vietnamese
21	PHAN VAN HOA	RP2	31-32	2	7			60	PSV	Vietnamese
22	NGUYEN NGOC LE	RP2	08	1	5			66	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	RP2	22	1.542	25	147	7	132	19		
2	BK9	0	0	0	0	1	10	2		
TOTAL		22	1.542	25	147	8	142	21		
WEIGHT KG			1.542		147		142			

GRAND TOAL: 1.831 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 25/10/2024	TO: PPD - TD5 - RC3	AIRCRAFT: 427	ETD: 09:58
FLIGHT: 06	FROM: VT	CREW: DƯƠNG - NPHÚ -	ETA: 11:50
VANG-2		QTRƯỜNG	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	PHAN TIEN DAT	PPD	85-86	2	9	1	20	75	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYEN NGOC LUU	PPD	79	1	5			72	PSV	Vietnamese
3	LY CHUYEN CHIEU	PPD	80	1	4			100	PSV	Vietnamese
4	VO DUC NGHIA	PPD	81	1	10			63	PSV	Vietnamese
5	NGUYEN VAN GIANG	PPD	82	1	5			70	PSV	Vietnamese
6	NGUYEN QUANG BAO NGOC	PPD	83	1	4			84	KHI	Vietnamese
7	DUONG TRUONG LAM	PPD	84	1	8			64	KHI	Vietnamese
8	ĐẶNG ĐỨC THUẬN	TD5	99	1	13			74	KH-THAC	Vietnamese
9	TRẦN VĂN CHÁNH	TD5	96	1	8	1	20	64	KH-THAC	Vietnamese
10	VU ĐOAN HUNG	TD5	98	1	5			73	KH-THAC	Vietnamese
11	TRUONG HONG HAI	TD5	600	1	15			85	KH-THAC	Vietnamese
12	TRẦN TUẤN ANH	TD5	97	1	10			93	KH-THAC	Vietnamese
13	VU LE TRUNG	RC3	86-87	2	15			66	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYEN TRONG KHOA	RC3	83	1	8			67	KH-THAC	Vietnamese
15	LAM TRONG DAI	RC3	84	1	10			57	KH-THAC	Vietnamese
16	NGO KHANH NAM	RC3	80	1	5	2	40	78	KH-THAC	Vietnamese
17	PHAN HAI VIET	RC3	81	1	6			91	KH-THAC	Vietnamese
18	LE NGUYEN	RC3	88-89	2	21			80	NIPi	Vietnamese
19	VU NGOC HUNG	RC3	79	1	6			63	PSV	Vietnamese
20	ĐINH DANH VY	RC3	78	1	3			66	PSV	Vietnamese
21	LE HONG HOP	RC3	82	1	10			65	BA SON	Vietnamese
22	LE VAN MINH	RC3	85	1	6			62	BA SON	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	PPD	7	528	8	45	1	20	6	4	CHUYEN 1 PAX PPD-TD5
2	TD5	5	389	5	51	1	20	3		
3	RC3	10	695	12	90	2	40	13		
TOTAL		22	1.612	25	186	4	80	22		
WEIGHT KG			1.612		186		80			

GRAND TOAL: 1.878 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 25/10/2024	TO: P4 - P3 - P2	AIRCRAFT: 428	ETD: 12:10
FLIGHT: 07	FROM: VT	CREW: LINH - MTHAO - MQUÂN	ETA: 14:00
DO-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	ĐÀO HAI NAM	P4	81-82	2	12	3	55	70	NIPI	Vietnamese
2	TRƯỜNG THẾ VINH	P3	23	1	9	1	10	67	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN NGỌC DƯ	P2	96	1	4			70	KH-THAC	Vietnamese
4	TÀNG MẠNH HÀ	P2	94	1	10			70	KH-THAC	Vietnamese
5	BUI THỌ DỪNG	P2	90	1	12			63	KH-THAC	Vietnamese
6	ĐOÀN VĂN DƯ	P2	95	1	3			72	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN QUANG THỰC	P2	87	1	14			72	KH-THAC	Vietnamese
8	PHẠM VĂN QUYỀN	P2	88	1	5			68	KH-THAC	Vietnamese
9	ĐOÀN KHÁC CÁN	P2	900	1	12			68	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN ĐÌNH NAM	P2	97	1	5			68	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN XUÂN PHONG	P2	92	1	10			59	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN VĂN HIỆU	P2	98	1	10			84	KH-THAC	Vietnamese
13	VŨ NGỌC DỪNG	P2	93	1	3			70	KH-THAC	Vietnamese
14	LÊ SINH TÂM	P2	99	1	5			96	KH-THAC	Vietnamese
15	ĐẶNG QUANG TIỀN	P2	89	1	10			67	BIỂN ĐÔNG	Vietnamese
16	DƯƠNG CHI CÔNG	P2	91	1	7			95	VETS	Vietnamese
17	NGUYỄN TRUNG KIẾN	P2	85-86	2	15			63	KHI	Vietnamese
18	ĐỖ THANH PHƯỚC	P2	83-84	2	14			55	KHI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	P4	1	70	2	12	3	55	07		CHUYEN 1 PAX P4-P3
2	P3	1	67	1	9	1	10	2		
3	P2	16	1.140	18	139	0	0	20		
TOTAL		18	1.277	21	160	4	65	22		
WEIGHT KG			1.277		160		65			

GRAND TOAL: 1.502 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 25/10/2024	TO: CTC1 - RC10 - CLO	AIRCRAFT: 410	ETD: 12:15
FLIGHT: 08	FROM: VT	CREW: HÙNG - N.CƯỜNG - HUY	ETA: 14:05
TRANG - 3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	BUI SI HIÊU	CTC1	13	1	4			62	NIPI	Vietnamese
2	NGUYỄN TIÊN THỨC	CTC1	11	1	6			80	KH-THAC	Vietnamese
3	LƯƠNG XUÂN THÀNH	CTC1	15	1	5			78	KH-THAC	Vietnamese
4	PHAN VĂN LY	CTC1	12	1	6			82	KH-THAC	Vietnamese
5	TẠ VĂN VIỆT	CTC1	21	1	6			75	KH-THAC	Vietnamese
6	LÊ HOANG LONG	CTC1	14	1	10			80	KH-THAC	Vietnamese
7	TRẦN TRỌNG MẠNH	CTC1	26	1	11			56	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN NGỌC BÌNH	CTC1	10	1	15			69	DVL	Vietnamese
9	DƯƠNG BA VINH	CTC1	09	1	13			97	DVL	Vietnamese
10	LÊ CÔNG BANG	CTC1	29-30	2	20			63	XAYLAP	Vietnamese
11	LÊ VĂN THU	CTC1	20	1	12			78	XAYLAP	Vietnamese
12	LÊ VĂN NIN	CTC1	27-28	2	20			68	XAYLAP	Vietnamese
13	TRƯƠNG QUANG HOAN	CTC1	18-19	2	14			67	XAYLAP	Vietnamese
14	NGUYỄN ĐÌNH SƠN	CTC1	24-25	2	16			71	XAYLAP	Vietnamese
15	ĐẠO HỮU TUYẾN	CTC1	22-23	2	24			69	XAYLAP	Vietnamese
16	TRẦN VĂN VIỆT (1991)	CTC1	17	1	3	4	75	69	PSV	Vietnamese
17	NGUYỄN VĂN HOAI	CTC1	16	1	5			55	PSV	Vietnamese
18	BUI ĐỨC KHANH	RC10	59	1	5			53	PSV	Vietnamese
19	DANG DINH TUAN	RC10	58	1	17			74	CODIEN	Vietnamese
20	PHAN VAN CHUNG	RC10	61-62	2	16			81	ANTOAN	Vietnamese
21	NGUYEN XUAN CHUONG	RC10	60	1	10			71	ANTOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	CTC1	17	1.219	22	190	4	75	10		
2	RC10	4	279	5	48	0	0	5		
3	CLO	0	0	0	0	0	0	5		
TOTAL		21	1.498	27	238	4	75	20		
WEIGHT KG			1.498		238		75			

GRAND TOAL: 1.811 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 25/10/2024	TO: BK20 - CTK3 - P10	AIRCRAFT: 428	ETD: 14:30
FLIGHT: 09	FROM: VT	CREW: LINH - MTHAO - MQUÂN	ETA: 16:20
XANH-4			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	LUYỄN VĂN THIỀU	CTK3	11-12	2	9			76	KH-THAC	Vietnamese
2	HOÀNG ĐÌNH SÂM	CTK3	33	1	6			82	KH-THAC	Vietnamese
3	VÕ NGỌC CHÍNH	CTK3	09	1	7			90	KH-THAC	Vietnamese
4	BUI KHÁC PHONG	CTK3	30	1	5			70	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN TRỌNG KIM	CTK3	13	1	9			66	KH-THAC	Vietnamese
6	BUI SỸ LONG	CTK3	14	1	7			80	KH-THAC	Vietnamese
7	VU TRUNG KIEN	CTK3	32	1	7	3	45	77	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN QUYẾT THẮNG	CTK3	31	1	6			70	KH-THAC	Vietnamese
9	LƯƠNG ANH VŨ	CTK3	10	1	9	2	80	68	CODIEN	Vietnamese
10	NGUYỄN CÔNG PHU	CTK3	15-17	3	14	3	57	77	CODIEN	Vietnamese
11	NGUYỄN XUÂN QUANG	CTK3	18	1	8			70	CODIEN	Vietnamese
12	TRẦN ĐÌNH ĐIỆP	CTK3	19-20	2	13	4	33	65	CODIEN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	BK20	0	0	0	0	0	0	0	4	CHUYEN 4 PAX BK20-CTK3
2	CTK3	12	891	16	100	12	215	2		
3	P10	0	0	0	0	0	0	20		
TOTAL		12	891	16	100	12	215	22		
WEIGHT KG			891		100		215			

GRAND TOAL: 1.206 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 25/10/2024	TO: P11 - TD2 - BK16	AIRCRAFT: 410	ETD: 14:35
FLIGHT: 10	FROM: VT	CREW: HUNG - N.CU'ONG - HUY	ETA: 16:25
CAM-4			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	NGUYEN MANH HUNG	P11	99	1	21			94	XAYLAP	Vietnamese
2	NGUYEN HAI HUNG	P11	89-90	2	15			60	XAYLAP	Vietnamese
3	PHAN VAN DUONG	P11	88	1	14			67	XAYLAP	Vietnamese
4	NGUYEN CONG DANH	P11	91-92	2	12			79	XAYLAP	Vietnamese
5	TRAN DUY AN	P11	93-94	2	17			67	XAYLAP	Vietnamese
6	NGUYEN HUU LONG	P11	95	1	19			72	XAYLAP	Vietnamese
7	NGUYEN DINH HUNG	P11	97-98	2	20			72	XAYLAP	Vietnamese
8	NGUYEN DANG THANH	P11	96	1	15			65	XAYLAP	Vietnamese
9	NGUYEN MANH HUNG	P11	30	1	16			69	XAYLAP	Vietnamese
10	BUI VAN QUAN	P11	500	1	5			67	PSV	Vietnamese
11	TRAN CONG HIEN	TD2	69	1	6			75	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYEN VAN NAM	TD2	78-79	2	20			68	DVL	Vietnamese
13	LE KHAC BAO	TD2	68	1	9	3	55	60	PSV	Vietnamese
14	TRAN DUC HUNG	TD2	72-73	2	20			75	XAYLAP	Vietnamese
15	NGUYEN MANH DUNG	TD2	74-75	2	18			75	XAYLAP	Vietnamese
16	NGUYEN HOANG TRUNG	TD2	76-77	2	12			74	XAYLAP	Vietnamese
17	TRAN XUAN TRUONG	BK16	98	1	12			75	CODIEN	Vietnamese
18	NGUYEN NGOC KHOA	BK16	600	1	12	2	25	92	CODIEN	Vietnamese
19	NGUYEN DANG MANH	BK16	99	1	14			50	CODIEN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	P11	10	712	14	154	0	0	5		
2	TD2	6	427	10	85	3	55	7		
3	BK16	3	217	3	38	2	25	9		
TOTAL		19	1.356	27	277	5	80	21		
WEIGHT KG			1.356		277		80			

GRAND TOAL: 1.713 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN